

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY
CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ LPB,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0103401797
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.08.14 16:22:22+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU LP

Cho kỳ kế toán từ ngày 07/05/2026 đến ngày 30/06/2026
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	02-03
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	04-09
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	10
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	11
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	12-36
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	12
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	13-14
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	15
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	16
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	17
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	18-36

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư doanh nghiệp dẫn đầu LP (“Quỹ”) trình bày báo cáo này và phê duyệt Báo cáo tài chính của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 07 tháng 05 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp dẫn đầu LP thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 47/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 03 năm 2026 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 100/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2026. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp dẫn đầu LP được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis) thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 48/UBCK-GP đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 35/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 03 năm 2026 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103401797 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 01 năm 2009 thay đổi lần thứ 13 ngày 26 tháng 03 năm 2026. Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực, và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Vũ Thị Thúy Hằng	Chủ tịch
Bà: Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Ngọc Thùy	Thành viên

Các thành viên của Ban điều hành Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Hồ Nga	Tổng Giám đốc
Ông: Trịnh Mạnh Cường	Trưởng Bộ phận Đầu tư

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2008 thay đổi lần thứ 17 ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/QĐ-ĐKHĐLK ngày 02 tháng 05 năm 2003 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát số 102025/VCB-LPB-LKGS ngày 21 tháng 10 năm 2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đàn, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 12/03/2026 đến ngày 30/06/2026. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CAM KẾT KHÁC

Chúng tôi cam kết rằng Công ty chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Vũ Thị Thúy Hằng
Chủ tịch Ban đại diện
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU LP

1.1 . Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu chính của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp dẫn đầu LP là tối đa hóa tăng trưởng giá trị tài sản cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư có chọn lọc vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có vị thế đầu ngành, có nền tảng tài chính vững chắc, năng lực cạnh tranh bền vững và tiềm năng tăng trưởng cao, được hưởng lợi từ chính sách ưu tiên phát triển của Nhà nước.

1.2 . Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Kỳ kế toán từ ngày 07/05/2026 đến 30/06/2026 là kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ. Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ đạt 49.174.085.488 VND; NAV trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ ("CCQ") của Quỹ đạt 9737.44 VND.

1.3 . Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ là lựa chọn có chọn lọc các cổ phiếu của các doanh nghiệp đại diện cho những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam xét theo quy mô, hiệu quả hoạt động, vị thế thương hiệu và khả năng tăng trưởng.

Quỹ ưu tiên các ngành có động lực phát triển mạnh mẽ và hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, tiêu dùng dài hạn, đô thị hóa, tăng trưởng thu nhập và các chính sách ưu tiên phát triển của Nhà nước.

Danh mục đầu tư của Quỹ được quản lý chủ động, dựa trên phân tích cơ bản chuyên sâu và đánh giá định giá hợp lý. Quỹ chú trọng đến yếu tố quản trị doanh nghiệp, minh bạch tài chính và khả năng tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông. Đồng thời, Quỹ sẽ linh hoạt điều chỉnh tỷ lệ phân bổ giữa cổ phiếu và tiền mặt nắm giữ để kiểm soát rủi ro trong các giai đoạn thị trường biến động.

Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm. Quỹ không bị giới hạn khi đầu tư vào các ngành nghề, lĩnh vực lựa chọn các ngành nghề tiềm năng phụ thuộc vào xu hướng và tình hình cụ thể của thị trường, các kết quả phân tích và đánh giá của đội ngũ đầu tư.

1.4 . Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở.

1.5 . Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Nhà đầu tư vào Quỹ có thể dễ dàng bán lại chứng chỉ quỹ cho Quỹ vào các ngày giao dịch định kỳ. Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ trong thời gian ngắn sẽ chịu mức phí mua lại được quy định trong Bản cáo bạch của Quỹ. Vì vậy, tùy thuộc vào thị trường, nhu cầu của nhà đầu tư mà nhà đầu tư có thể tự quyết định thời gian đầu tư vào Quỹ.

1.6 . Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp dẫn đầu LP thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 47/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 03 năm 2026 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 100/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2026. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.7 . Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 50.499.981.483 VND, tương đương với 5.049.998,1383 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ là 49.174.085.488 VND.

1.8 . Chỉ số tham chiếu

Không áp dụng.

1.9 . Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành.

Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50 tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;

Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

1.10 . Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

2 . SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 . Cơ cấu tài sản của Quỹ

	<u>Số cuối kỳ</u> %
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	48,21%
2. Cổ phiếu	51,77%
3. Tài sản khác	0,02%
	<u><u>100%</u></u>

2.2 . Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	ĐVT	Từ 07/05/2026 đến 30/06/2026
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	49.174.085.488
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	CCQ	5.049.998
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ	VND	9.737,44
Giá trị tài sản ròng cao nhất của một đơn vị CCQ	VND	10.000,00
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của một đơn vị CCQ	VND	9.710,75
Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	%	-2,63%
- Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)		-1,25%
- Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)		-1,37%
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ	%	4,18%
Tốc độ vòng quay danh mục	%	455,63%

2.3 . Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
	%	%
1 năm đến thời điểm báo cáo	Không xác định	Không xác định
3 năm đến thời điểm báo cáo	Không xác định	Không xác định
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo	-2,63%	-2,63%

2.4 . Tăng trưởng hàng kỳ

Thời kỳ	Từ 07/05/2026 đến 30/06/2026
Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	-2,63%

3 . MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

3.1 Tình hình kinh tế vĩ mô

Kinh tế Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực ở mức 8,18% (riêng Q2/2026 đạt 8,39%), tạo cơ sở vững chắc để Chính phủ kiên định mục tiêu tăng trưởng hai con số trong năm. Sản xuất công nghiệp giữ vai trò dẫn dắt với chỉ số IIP toàn ngành 6 tháng tăng 10,8% (riêng tháng 6 tăng 12,7%) và đóng góp 47,2% vào mức tăng trưởng chung. Khu vực dịch vụ tăng 8,1% và đóng góp 47,1%.

Thương mại quốc tế và thu hút đầu tư tiếp tục là động lực tăng trưởng quan trọng. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu đạt 266,52 tỷ USD (tăng 21,0%) và nhập khẩu đạt 283,17 tỷ USD (tăng 33,4%), dẫn đến thâm hụt thương mại lũy kế 16,65 tỷ USD. Tổng doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ duy trì đà tăng trưởng lũy kế 12,9% y/y (tháng 6 tăng 14,8%). Về vốn đầu tư nước ngoài (FDI), giải ngân 6 tháng đạt 13,03 tỷ USD (tăng 11,2%) và vốn cam kết đạt 34,65 tỷ USD (tăng mạnh 61,0%).

Tuy nhiên, áp lực lạm phát vẫn hiện hữu với CPI bình quân 6 tháng đầu năm tăng 4,38% so với cùng kỳ (tháng 6 tăng 4,69%). Nhìn chung, bức tranh kinh tế vĩ mô 1H2026 cho thấy nền tảng tăng trưởng vững chắc nhưng cần tiếp tục theo dõi sát diễn biến giá cả trong nửa cuối năm.

3.2 Tình hình thị trường chứng khoán

VNIndex đóng cửa tháng 6 tại mức 1.860,01 điểm, giảm nhẹ 0,19% so với cuối tháng 5. Thị trường dao động trong biên độ hẹp trong phần lớn tháng 6 và thanh khoản vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục tích cực. Các cổ phiếu thuộc Vingroup đặc biệt là VIC, VHM tiếp tục đóng vai trò là động lực chính dẫn dắt các nhịp của chỉ số.

Thị trường tiền tệ trong nước tiếp tục cho thấy sự khó khăn trong bối cảnh lãi suất duy trì ở vùng cao, khiến các nhà đầu tư có tâm lý chán nản, đặc biệt trong giai đoạn thị trường thiếu vắng các thông tin mang tính hỗ trợ. Thời gian tháng 06 là giai đoạn bị rỗng tin của thị trường khi mà kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm của các doanh nghiệp chưa được công bố, đồng thời mùa đại hội cổ đông đã qua.

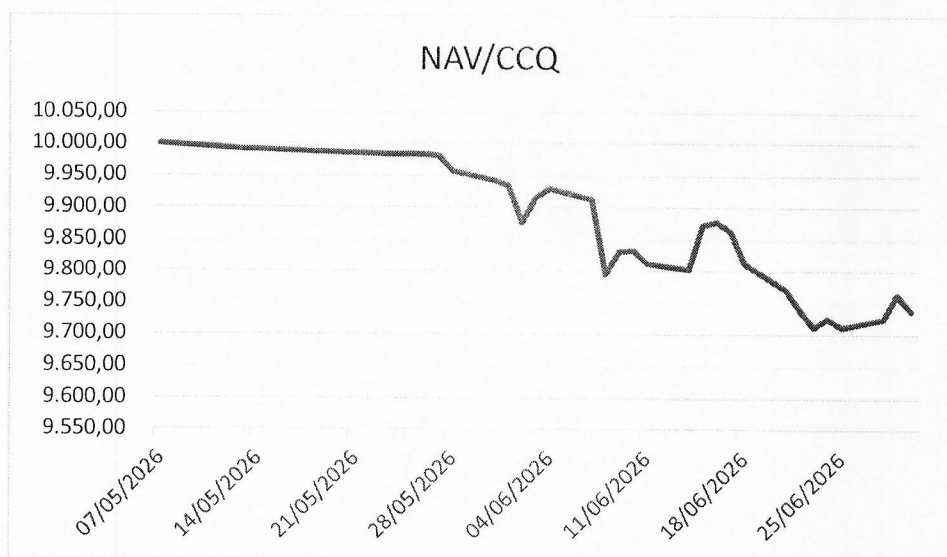
Việc thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục không được nằm trong danh sách theo dõi nâng hạng lên thị trường mới nổi của MSCI đã khiến một trong những chất xúc tác tiềm năng cho thị trường trong tháng 6 không trở thành hiện thực.

4 . SỐ LIỆU CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 . Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo %	3 năm đến thời điểm báo cáo %	Từ thời điểm thành lập đến thời điểm báo cáo %
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	Không xác định	Không xác định	-1,37%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	Không xác định	Không xác định	-1,25%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	Không xác định	Không xác định	-2,63%
Tăng trưởng hàng năm (%) /1 đơn vị CCQ	Không xác định	Không xác định	-2,63%

Biểu đồ tăng trưởng của Quỹ từ khi thành lập đến 30/06/2026 như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU LP

Thay đổi giá trị tài sản ròng

	30/06/2026	07/05/2026	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	49.174.085.488	-	100,00%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	9.737,44	-	100,00%

4.2 . Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	206	32.041,51	0,63%
Từ 5.000 đến 10.000	1	5.956,63	0,12%
Từ trên 10.000 đến 50.000	1	12.000,00	0,24%
Từ trên 50.000 đến 500.000	-	-	0,00%
Trên 500.000	1	5.000.000,00	99,01%
	209	5.049.998,14	100%

5 . THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Nửa cuối năm 2026, thị trường chứng khoán Việt Nam đối mặt với nhiều rủi ro đan xen. Trên bình diện quốc tế, căng thẳng Mỹ - Iran có thể tiếp tục làm gián đoạn chuỗi cung ứng qua eo biển Hormuz, đẩy giá dầu lên cao và khiến Fed thận trọng hơn trong nói lỏng tiền tệ. Trong nước, áp lực lạm phát và tỷ giá vẫn hiện hữu, lãi suất được dự báo "neo cao" lâu hơn do chênh lệch huy động - tín dụng và thanh khoản thắt chặt. Điều này làm tăng chi phí tài chính và rủi ro chất lượng tài sản.

Dù vậy, thị trường vẫn được nâng đỡ bởi nền tảng vĩ mô ổn định, với mục tiêu tăng trưởng GDP 8,5 - 9% nhờ dòng vốn FDI mạnh và đầu tư công tăng tốc cuối năm. Chính sách tài khóa mở rộng và nỗ lực tháo gỡ pháp lý đang dần hỗ trợ đầu tư tư nhân cùng thị trường bất động sản sơ cấp.

Riêng với chứng khoán, chất xúc tác lớn nhất là khả năng FTSE Russell nâng hạng Việt Nam vào tháng 9, ước tính thu hút 1 - 2 tỷ USD vốn thụ động và 5 - 6 tỷ USD vốn chủ động. Đà tăng lợi nhuận - dẫn dắt bởi vật liệu xây dựng, bán lẻ và ngân hàng quốc doanh - tiếp tục là lực đỡ cơ bản, trong khi các nhịp điều chỉnh đưa định giá về vùng hấp dẫn và làn sóng IPO cuối năm hứa hẹn mở rộng chiều sâu thanh khoản.

Do đó, trong bối cảnh rủi ro và cơ hội đan xen như vậy, chúng tôi cho rằng chiến lược hợp lý trong giai đoạn này đòi hỏi sự chọn lọc, ưu tiên các cổ phiếu có câu chuyện riêng, nền tảng cơ bản tốt và triển vọng hưởng lợi từ các yếu tố trong nước. Tỷ trọng tiền mặt cao vẫn sẽ được duy trì để sẵn sàng phản ứng khi những chuyển biến tích cực của thị trường xuất hiện.

6 . THÔNG TIN KHÁC

Đội ngũ quản lý quỹ

Ban điều hành của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB

Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nga là chuyên gia với hơn 18 năm kinh nghiệm đầu tư tài chính, Thạc sĩ ĐH Bristol (Anh), từng giữ quản lý cấp cao tại Cục Đầu tư nước ngoài, PVFC Capital và I.P.A.

Ông Trịnh Mạnh Cường
Trưởng Bộ phận Đầu tư

Ông Cường sở hữu hơn 10 năm kinh nghiệm đầu tư, Cử nhân ĐH Kinh tế Quốc dân (CFA Level 2), từng làm việc tại ABBank, Viettel Global và

Bà Nguyễn Hồ Nga

Tổng Giám đốc

Ban Đại diện Quỹ

Bà Vũ Thị Thúy Hằng

Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ
Thành viên độc lập

Bà Vũ Thúy Hằng có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và quản lý đầu tư. Bà từng công tác nhiều năm tại Công ty Chứng khoán CIMB Việt Nam, Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, Quỹ đầu tư Phillip Capital Thái Lan, Công ty TNHH Chứng khoán ACB, Công ty Cổ phần chứng khoán LPBank.

Bà Hằng tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP. HCM và có bằng MBA do Open University Malaysia cấp; CFA level 2 bởi CFA Institute. Bà hiện đã có Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ được cấp bởi UBCKNN.

Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Thành viên Ban Đại diện Quỹ
Thành viên độc lập

Bà Nguyễn Thị Nguyệt có hơn 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật liên quan tới thị trường chứng khoán. Bà Nguyệt có nhiều năm kinh nghiệm trong phụ trách quản lý, điều phối và triển khai các hoạt động pháp lý trọng yếu, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc tư vấn pháp chế, Chuyên gia Pháp chế lần lượt tại Công ty TNHH Chứng khoán ACB và Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank.

Bà Nguyệt tốt nghiệp Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh và có bằng Thạc sĩ Luật Kinh doanh do Học viện Khoa học Xã hội cấp.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy

Thành viên Ban Đại diện Quỹ
Thành viên độc lập

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy có hơn 6 năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - kế toán, đặc biệt trong môi trường hoạt động của công ty chứng khoán. Bà có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán tại Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank.

Bà Thùy tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán tại Trường Đại học Quy Nhơn.



Nguyễn Hồ Nga

Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Dẫn đầu LP (“Quỹ”, tên viết tắt: “LPLF”) cho giai đoạn từ ngày 07 tháng 05 năm 2026 (Ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong năm tài chính này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 07 tháng 05 năm 2026 (Ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT *Kem*



TRƯỞNG TRUNG TÂM

Võ Trí Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

Đoàn Thị Thu Hằng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Nhà đầu tư và Ban đại diện
Quý Đầu tư Doanh nghiệp dẫn đầu LP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp dẫn đầu LP được lập ngày 11 tháng 08 năm 2026, từ trang 12 đến trang 36, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 07/05/2026 đến ngày 30/06/2026 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB là Công ty Quản lý quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp dẫn đầu LP tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 07/05/2026 đến ngày 30/06/2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

kỳ kế toán từ ngày 07/05/2026 đến ngày 30/06/2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(1.011.254.108)
03	1.1 Tiền lãi được nhận	3	36.520.892
04	1.2 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	4	(416.196.181)
05	1.3 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(631.578.819)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		45.546.195
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	6	45.546.195
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		268.979.424
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ mở		131.682.506
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		30.003.051
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		11.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		26.400.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		42.367.742
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		9.941.416
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	7	17.584.709
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(1.325.779.727)
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-
24.2	5.2 Chi phí khác		-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(1.325.779.727)
31	6.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		(694.200.908)
32	6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		(631.578.819)
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(1.325.779.727)

Đỗ Thị Phương Lan
Người lập

Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND
100	I. TÀI SẢN		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	8	24.652.430.575
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		24.652.430.575
120	2. Các khoản đầu tư thuần	9	26.471.100.000
121	2.1 Các khoản đầu tư		26.471.100.000
121	2.1.1 Các khoản đầu tư cổ phiếu		26.471.100.000
130	3. Các khoản phải thu	10	11.658.584
137	3.1 Phải thu khác		11.658.584
100	TỔNG TÀI SẢN		51.135.189.159
Mã số	NGUỒN VỐN		
300	II. NỢ PHẢI TRẢ		
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	11	1.750.600.000
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty quản lý quỹ		1.472.461
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.710.141
316	4. Chi phí phải trả	13	16.382.858
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	14	11.030.000
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	15	178.757.566
320	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác		1.150.645
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		1.961.103.671
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	16	49.174.085.488
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		50.499.981.483
412	1.1 Vốn góp phát hành		50.584.951.183
413	1.2 Vốn góp mua lại		(84.969.700)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(116.268)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	17	(1.325.779.727)
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		9.737,44

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	21	5.049.998,14



Đỗ Thị Phương Lan
Người lập



Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2026

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ kế toán từ ngày 07/05/2026 đến ngày 30/06/2026

STT	CHỈ TIÊU	Kỳ này VND
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm	-
II.	Thay đổi NAV trong kỳ	(1.325.779.727)
	Trong đó:	
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	(1.325.779.727)
II.2	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho nhà đầu tư trong kỳ	-
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1-III.2)	50.499.865.215
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	50.584.192.278
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	84.327.063
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (IV= I+II+III)	49.174.085.488

Đỗ Thị Phương Lan
Người lập

Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/06/2026 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
I	Cổ phiếu niêm yết				
1	ACB	50.000	22.650,00	1.132.500.000	2,22%
1	BID	20.000	42.400,00	848.000.000	1,66%
2	BVH	20.000	64.600,00	1.292.000.000	2,53%
3	FPT	25.000	70.200,00	1.755.000.000	3,43%
4	HPG	300.000	23.300,00	6.990.000.000	13,67%
5	IDC	30.000	41.500,00	1.245.000.000	2,44%
6	MSN	35.000	72.100,00	2.523.500.000	4,93%
7	MWG	45.000	78.100,00	3.514.500.000	6,87%
8	SSI	80.000	26.750,00	2.140.000.000	4,18%
9	TCB	10.000	33.500,00	335.000.000	0,66%
10	VCB	60.000	62.200,00	3.732.000.000	7,30%
11	VHM	2.000	151.800,00	303.600.000	0,59%
12	VIC	3.000	220.000,00	660.000.000	1,29%
	Tổng	680.000		26.471.100.000	51,77%
2	Phải thu khác			11.658.584	0,02%
	Tổng			11.658.584	0,02%
III	Tiền				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ			24.652.430.575	48,21%
	Tổng			24.652.430.575	48,21%
IV	Tổng giá trị danh mục			51.135.189.159	100%

Đỗ Thị Phương Lan
 Người lập

Đỗ Thị Phương Lan
 Kế toán trưởng

Nguyễn Hồ Nga
 Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB
 Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2026



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

kỳ kế toán từ ngày 07/05/2026 đến ngày 30/06/2026

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(1,325,779,727)
	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		639,351,199
03	- (- Lãi) hoặc (+ lỗ) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		631,578,819
04	- (+) Chi phí trích trước		7,772,380
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		(686,428,528)
20	- Tăng, giảm các khoản đầu tư		(27,102,678,819)
08	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(11,658,584)
12	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho người bán		1,750,600,000
13	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả các Đại lý phân phối Chứng		1,472,461
14	- (+) Tăng, (-) giảm Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1,710,141
15	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		11,030,000
16	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả phải nộp khác		9,936,183
17	- (+) Tăng, (-) giảm Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		178,582,506
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(25,161,006,112)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ		50,584,192,278
32	2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ		(84,327,063)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		50,499,865,215
40	III TĂNG GIẢM TIỀN THUẦN TRONG KỲ ĐẦU NĂM		24,652,430,575
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM		24,652,430,575
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		24,652,430,575
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		24,641,400,575
58	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng		-
59	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		11,030,000
60	CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM		<u>24,652,430,575</u>

Đỗ Thị Phương Lan
Người lập biểu

Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

kỳ kế toán từ ngày 07/05/2026 đến ngày 30/06/2026

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp dẫn đầu LP thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 47/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 03 năm 2026 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 100/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2026. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 50.463.533.383 VND, tương đương với 5.046.353,34 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 50.499.981.483 VND, tương đương với 5.049.998,14 chứng chỉ quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis) thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 48/UBCK-GP đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 35/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 03 năm 2026 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103401797 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 01 năm 2009 thay đổi lần thứ 13 ngày 26 tháng 03 năm 2026. Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2008 thay đổi lần thứ 17 ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/QĐ-ĐKHĐLK ngày 02 tháng 05 năm 2003 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát số 102025/VCB-LPB-LKGS ngày 21 tháng 10 năm 2025.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp dẫn đầu LP là tối đa hóa tăng trưởng giá trị tài sản cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư có chọn lọc vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có vị thế đầu ngành, có nền tảng tài chính vững chắc, năng lực cạnh tranh bền vững và tiềm năng tăng trưởng cao, được hưởng lợi từ chính sách ưu tiên phát triển của Nhà nước.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ Sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định vào ngày định giá. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá đối với kỳ định giá ngày.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá.

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (“Ngày giao dịch”), ngoại trừ ngày làm việc bù rơi vào ngày thứ Bảy và/hoặc Chủ nhật. Trong trường hợp Ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc gần nhất sau đó, Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ hoặc bằng thư điện tử.

1.5 . Các loại tài sản được phép đầu tư

Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư bao gồm:

- a. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; (*)
- b. Công cụ thị trường tiền tệ, bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật liên quan; (*)
- c. Công cụ nợ của chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, Chứng chỉ Quỹ đại chúng, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của các tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật Việt Nam;
- e. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; (**)
- f. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
- g. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

(*) Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng các điều kiện các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

(**) Trường hợp Quỹ đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện.
- Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

1.6 . Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại Ngân hàng Giám sát, không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a,b của Thuyết minh 1.5 nêu trên;
- Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- Không được đầu tư vào quá 20% tổng giá trị tài sản Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a,b của Thuyết minh 1.5 nêu trên của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a,b,d,e và f của Thuyết minh 1.5 nêu trên, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó giá trị chứng khoán phải sinh quy định tại điểm f Thuyết minh 1.5 là giá trị cam kết của hợp đồng;
- Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e của Thuyết minh số 1.5 nêu trên;
- Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại Điểm b, d, e, g của Thuyết minh số 1.5 nêu trên (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ, không vượt quá Giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- Không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp dẫn đầu LP;
- Chỉ được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - a) Không đầu tư vào quá 10% tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào Chứng chỉ Quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - c) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các Chứng chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư quy định trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ

2.1 . Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư số 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Các ước tính kế toán lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ và được đánh giá là hợp lý với các giả định hiện tại.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

2.6 . Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, lãi tiền lãi các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Cổ phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, lãi tiền lãi các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ, cụ thể:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
Cổ phiếu		
3.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi Ngân hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Cụ thể:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

2.8 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/ mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá chứng chỉ quỹ mua lại và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lợi nhuận chưa phân phối”.

Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

2.10 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc tại Thuyết minh 2.6.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch trước ngày định giá, và được làm tròn xuống đến 2 chữ số thập phân. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

2.11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích có tính lãi đầu tư thực tế của tài sản trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu để đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.12 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý là 1,75% (một phẩy bảy mươi lăm phần trăm) một năm tính trên tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày trước định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản lý} = 1,75\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}.$$

Trường hợp tăng Giá dịch vụ quản lý phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Trường hợp giảm Giá dịch vụ quản lý sẽ do Công ty Quản lý Quỹ xác định và phải được Ban đại diện quỹ thông qua. Giá dịch vụ Quản lý quỹ tối đa là 1,75% Giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm.

Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát

Giá Dịch vụ Ngân hàng Giám sát là 0,02%/năm trên Tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND (Năm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ ngân hàng giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho ngân hàng giám sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

$$\text{Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát} = 0,02\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}.$$

Giá dịch vụ Lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,04%/năm trên Tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức phí trên chưa bao gồm VAT (nếu có).

$$\text{Giá dịch vụ lưu ký} = 0,04\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}.$$

Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm giá dịch vụ xử lý giao dịch cho các giao dịch chứng khoán và giá dịch vụ trả cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (chi phí bên thứ ba).

Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch bằng 0,01%* tổng giá trị giao dịch cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch với mức tối đa 8.000.000 VND/ngày giao dịch, tối thiểu 100.000 VND/ ngày giao dịch, 0,01%* tổng giá trị giao dịch trái phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch/ trái phiếu riêng lẻ với mức tối đa 8.000.000 VND/ngày giao dịch, tối thiểu 100.000 VND/ ngày giao dịch, 100.000 VND/ 1 giao dịch mua bán CK OTC và các tài sản khác.

Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03% một năm trên Tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu 12.000.000 VND (Mười hai triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = $0,03\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ duy trì Nhà đầu tư; giá dịch vụ thiết lập dữ liệu Nhà đầu tư; giá dịch vụ cung cấp thông tin. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 12.000.000 VND (Mười hai triệu đồng)/tháng (chưa bao gồm thuế VAT) và có thể thay đổi theo thông báo của Đại lý chuyển nhượng.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định khi ký kết hợp đồng kiểm toán.

2.13 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

2.14 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.15 . Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được thay thế bởi Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ của Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được thay thế bởi Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám Đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này được xem là các bên liên quan với Quỹ.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Quỹ chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Kỳ này
	VND
Lãi tiền gửi	36.520.892
	<u>36.520.892</u>

4 . LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Kỳ này		
	Tổng giá trị bán trong năm	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong năm
	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	20.010.335.248	20.426.531.429	(416.196.181)
	20.010.335.248	20.426.531.429	(416.196.181)

5 . CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Kỳ này				
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 30/06/2026 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2026 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại đầu kỳ (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán năm nay (kỳ NAV) (VND)
Cổ phiếu niêm yết	27.102.678.819	26.471.100.000	(631.578.819)	-	(631.578.819)
	27.102.678.819	26.471.100.000	(631.578.819)	-	(631.578.819)

6 . CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Kỳ này VND
Phí giao dịch cổ phiếu	45.546.195
	45.546.195

7 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Kỳ này VND
Thù lao trả cho Ban đại diện Quỹ	16.258.064
Phí quản lý thường niên	1.150.645
Phí ngân hàng	176.000
	17.584.709

8 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	24.641.400.575
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	11.030.000
	24.652.430.575

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU LP**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại
	Giá mua	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết					
- ACB	1.101.428.571	1.132.500.000	31.071.429	-	1.132.500.000
- BID	844.000.000	848.000.000	4.000.000	-	848.000.000
- BVH	1.378.540.000	1.292.000.000	-	(86.540.000)	1.292.000.000
- FPT	1.836.000.000	1.755.000.000	-	(81.000.000)	1.755.000.000
- HPG	7.231.037.990	6.990.000.000	-	(241.037.990)	6.990.000.000
- IDC	1.306.506.000	1.245.000.000	-	(61.506.000)	1.245.000.000
- MSN	2.601.593.093	2.523.500.000	-	(78.093.093)	2.523.500.000
- MWG	3.539.406.445	3.514.500.000	-	(24.906.445)	3.514.500.000
- SSI	2.195.909.091	2.140.000.000	-	(55.909.091)	2.140.000.000
- TCB	332.866.250	335.000.000	2.133.750	-	335.000.000
- VCB	3.774.791.379	3.732.000.000	-	(42.791.379)	3.732.000.000
- VHM	300.600.000	303.600.000	3.000.000	-	303.600.000
- VIC	660.000.000	660.000.000	-	-	660.000.000
	27.102.678.819	26.471.100.000	40.205.179	(671.783.998)	26.471.100.000

Tại ngày 30/06/2026

10 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối kỳ VND
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	11.658.584
	11.658.584

11 . PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Số cuối kỳ VND
Phải trả về giao dịch mua chứng khoán	1.750.600.000
	1.750.600.000

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ VND
Thuế Thu nhập cá nhân	1.710.141
	1.710.141

Quyết toán thuế của Quỹ sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ VND
Chi phí Ban đại diện Quỹ	14.632.258
Chi phí môi giới chứng khoán	1.750.600
	16.382.858

14 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	Số cuối kỳ VND
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	11.030.000
	11.030.000

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền nhận được từ Nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ hợp lệ và chờ phát hành.

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	Số cuối kỳ VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý quỹ	131.682.506
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	175.060
Phải trả phí dịch vụ giám sát	5.500.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị	13.200.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	13.200.000
Phải trả phí kiểm toán	15.000.000
	178.757.566

16 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	07/05/2026 VND	Phát sinh trong kỳ VND	30/06/2026 VND
Kỳ này			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	-	5.058.495,11	5.058.495,11
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	-	9.999,85	9.999,85
Giá trị ghi theo mệnh giá		50.584.951.183	50.584.951.183
Thặng dư vốn		(758.905)	(758.905)
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	-	50.584.192.278	50.584.192.278
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	-	8.497	8.496,97
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	-	9.924,37	9.924,37
Giá trị ghi theo mệnh giá		84.969.700	84.969.700
Thặng dư vốn		(642.637)	(642.637)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	-	84.327.063	84.327.063
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	-	5.049.998,14	5.049.998,14
Giá trị vốn góp hiện hành	-	50.499.865.215	50.499.865.215
Lợi nhuận chưa phân phối	-	(1.325.779.727)	(1.325.779.727)
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	-		49.174.085.488
Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ	-		9.737,44

17 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Số cuối kỳ VND
Lợi nhuận đã thực hiện	(694.200.908)
Lợi nhuận chưa thực hiện	(631.578.819)
	(1.325.779.727)

18 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ MỞ

Chỉ tiêu	Kỳ này
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	4,18%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	455,63%

Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ mở tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động x 100 (%) x 365/ Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ x Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chỉ tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ mở (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ quỹ;
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ mở trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong năm + Tổng giá trị bán trong năm)/2 x 100 (%) Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm x Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép).

19 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết, các khoản phải thu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong kỳ, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết

Các cổ phiếu và trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt, các loại trái phiếu Quỹ nắm giữ là trái phiếu niêm yết của những doanh nghiệp lớn tại Việt Nam và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính có thanh khoản cao, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

20 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 07/05/2026 đến ngày 30/06/2026 như sau:

STT	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	07/05/2026	50.463.533.383	5.046.353,34	10.000,00	-
2	13/05/2026	50.418.765.834	5.046.353,33	9.991,13	(8,87)
3	14/05/2026	50.411.886.045	5.046.116,37	9.990,23	(0,90)
4	15/05/2026	50.401.241.216	5.046.189,82	9.987,98	(2,25)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU LP

Báo cáo tài chính giữa niên độ

STT	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
5	18/05/2026	50.398.299.193	5.046.274,97	9.987,23	(0,75)
6	19/05/2026	50.397.441.832	5.046.568,81	9.986,48	(0,75)
7	20/05/2026	50.451.700.256	5.052.382,01	9.985,73	(0,75)
8	21/05/2026	50.448.655.218	5.052.457,10	9.984,97	(0,76)
9	22/05/2026	50.419.653.480	5.050.692,44	9.982,72	(2,25)
10	25/05/2026	50.425.040.842	5.050.835,78	9.983,50	0,78
11	26/05/2026	50.421.150.613	5.050.826,09	9.982,75	(0,75)
12	27/05/2026	50.411.299.891	5.051.012,70	9.980,43	(2,32)
13	28/05/2026	50.288.971.402	5.050.902,70	9.956,43	(24,00)
14	29/05/2026	50.195.357.594	5.048.888,70	9.941,86	(14,57)
15	01/06/2026	50.151.578.263	5.048.912,93	9.933,14	(8,72)
16	02/06/2026	49.863.824.293	5.048.649,74	9.876,67	(56,47)
17	03/06/2026	50.063.358.695	5.049.266,92	9.914,98	38,31
18	04/06/2026	50.134.113.428	5.049.253,47	9.929,01	14,03
19	05/06/2026	50.045.322.116	5.049.208,50	9.911,52	(17,49)
20	08/06/2026	49.453.351.422	5.049.230,94	9.794,23	(117,29)
21	09/06/2026	49.639.297.568	5.049.260,74	9.831,00	36,77
22	10/06/2026	49.642.765.607	5.048.973,24	9.832,25	1,25
23	11/06/2026	49.537.184.057	5.048.952,72	9.811,38	(20,87)
24	12/06/2026	49.488.871.437	5.048.629,83	9.802,44	(8,94)
25	15/06/2026	49.844.110.367	5.048.638,90	9.872,78	70,34
26	16/06/2026	49.875.349.649	5.048.913,34	9.878,43	5,65
27	17/06/2026	49.795.539.314	5.048.957,86	9.862,54	(15,89)
28	18/06/2026	49.540.947.887	5.049.019,69	9.811,99	(50,55)
29	19/06/2026	49.344.622.846	5.050.317,05	9.770,60	(41,39)
30	22/06/2026	49.180.853.251	5.050.285,93	9.738,23	(32,37)
31	23/06/2026	49.043.313.355	5.050.414,26	9.710,75	(27,48)
32	24/06/2026	49.121.570.036	5.050.948,48	9.725,22	14,47
33	25/06/2026	49.049.950.744	5.050.982,38	9.710,97	(14,25)
34	26/06/2026	49.109.209.599	5.050.006,02	9.724,58	13,61
35	29/06/2026	49.304.696.077	5.050.031,92	9.763,24	38,66
36	30/06/2026	49.174.085.488	5.049.998,14	9.737,45	(25,79)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ

49.928.350.874

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ

- Mức thấp nhất trong kỳ

-

- Mức cao nhất trong kỳ

117

21 . SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

Số cuối kỳ

CCQ

Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành

5.049.998,14

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Ngân hàng giám sát
Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Quản lý Quỹ
Các thành viên Ban đại diện và Ban Điều hành Quỹ	

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Kỳ này</u> VND
Phí dịch vụ quản lý, giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký	205.941.409
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB	131.682.506
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	74.258.903
Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	38.690.343
Phí ngân hàng	176.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	176.000
Lãi tiền gửi	21.130.137
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	21.130.137
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:	<u>Số cuối kỳ</u> VND
Phải trả về phí quản lý Quỹ mở	131.682.506
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB	131.682.506
Phải trả về phí dịch vụ giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký q	33.875.060
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	33.875.060

	Số cuối kỳ VND
Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	24.641.400.575
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	24.641.400.575
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	11.030.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	11.030.000

(*): Chi tiết tại Báo cáo danh mục đầu tư của Quỹ ngày 30/06/2026

Thù lao của Ban đại diện Quỹ

	Kỳ này VND
Thù lao của Ban đại diện Quỹ	16.258.064

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Quỹ đầu tư.

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

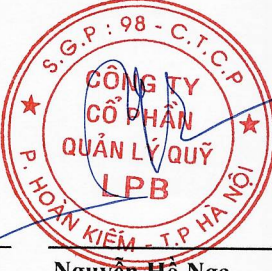
Kỳ kế toán từ ngày 07 tháng 05 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 là kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ, do đó không có số liệu so sánh trên Báo cáo thu nhập; Báo cáo tình hình tài chính; Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng.



Đỗ Thị Phương Lan
Người lập



Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2026